TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 - THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-ST.
Ngày: 05/8/2025
V/v: ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Xuân Tùng
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phạm Nhật Quang
2. Bà Ngân Thị Diễn

Thư ký phiên tòa: Bà Bàn Thị Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 - Thanh Hóa.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chinh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2025/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2025 về việc *"Ly hôn"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2025; Thông báo về việc hoãn phiên tòa số 01/TB-TA ngày 21 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Hà Thị L - Sinh năm 1982
Địa chỉ: tiểu khu km X, xã Trung T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa (nay là tiểu khu km X, xã Trung H, tỉnh Thanh Hóa).

Bị đơn: anh Phạm Văn T - Sinh năm 1981
Địa chỉ: tiểu khu km X, xã Trung T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa (nay là tiểu khu km X, xã Trung H, tỉnh Thanh Hóa).

Tại phiên toà chị Hà Thị L vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Phạm Văn T vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 05/3/2025, Bản tự khai ngày 24/3/2025* cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Hà Thị L trình bày:

Về hôn nhân: chị và anh Phạm Văn T tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Trung Thượng, huyện Quan Sơn (nay là UBND xã Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa) vào ngày 24/02/2004. Quá trình chung sống vợ chồng bình thường đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do: vợ chồng tính tình

không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đi làm xa nhau, dần dần không còn liên lạc, hỏi han, chăm sóc nhau nữa. Gia đình hai bên đã nhiều lần hòa giải nhưng kết quả không thành. Chị và anh T đã sống ly thân kể từ năm 2012 đến nay không ai quan tâm tới nhau.

Xác định mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, đời sống chung thực tế đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh T được ly hôn.

Về con chung: chị và anh T có một con chung Phạm Hà Hải L, sinh năm 2005. Hiện con chung đã thành niên, phát triển bình thường về thể chất và trí tuệ nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và công nợ: chị Hà Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: chị Hà Thị L đề nghị chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Kèm theo đơn khởi kiện và bản tự khai, chị Hà Thị L còn nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gồm: Trích lục kết hôn (bản sao); Căn cước công dân của chị và anh T (bản sao chứng thực); Giấy khai sinh Phạm Hà Hải L (bản sao); Xác nhận thông tin về nơi cư trú của chị và anh T; Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án.

* *Về bị đơn*: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, bao gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập đương sự đến Tòa án để trình bày quan điểm về vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn phiên họp và phiên hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa; Thông báo về việc hoãn phiên tòa; nhưng anh T không có mặt theo yêu cầu của Tòa án. Vì vậy, Tòa án không thể tiếp cận được với anh T để lấy lời khai của anh.

* *Tại biên bản xác minh ngày 10/6/2025*, ông Nguyễn Khắc T - Trưởng khu Km X, cho biết:

Về hôn nhân: chị L và anh T kết hôn tự nguyện, tổ chức cưới theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại UBND xã Trung Thượng vào năm 2004. Sau khi kết hôn, chị L, anh T sinh sống cùng nhau ở nhà riêng tại tiểu khu km X, xã Trung T, huyện Q (nay là tiểu khu km X, xã Trung H, tỉnh Thanh Hóa). Quá trình chung sống đến năm 2012 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, đi làm xa nhau mỗi người một nơi. Hiện chị L và anh T đã ly thân, không còn sống chung. Nay chị L xin ly hôn anh T thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: chị L, anh T có một con chung Phạm Hà Hải L, sinh năm 2005. Hiện cháu L đã trưởng thành, phát triển bình thường về thể chất và trí tuệ.

Về tài sản và công nợ: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

* *Ý kiến của đại diện VKSND khu vực 11 - Thanh Hóa*: Trong quá trình giải quyết vụ án và tố tụng tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, HĐXX đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật pháp luật Tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án đề nghị HĐXX áp dụng điểm b khoản 2 điều 227; khoản 1 điều 228; điều 238 của Bộ luật TTDS; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 luật HNGĐ giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của nguyên

đơn chị Hà Thị L đối với bị đơn anh Phạm Văn T. Về án phí, chị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Ý kiến của nguyên đơn trong các bản tự khai; ý kiến của đại diện VKSND. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho chị Hà Thị L và anh Phạm Văn T các văn bản tố tụng của Tòa án; chị L có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt hai lần không có lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 điều 227, khoản 1 điều 228; điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt chị L, anh T.

[2] Thẩm quyền giải quyết: Đơn khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn đã làm đúng theo mẫu quy định, nội dung khởi kiện xin ly hôn phù hợp với khoản 1 điều 28 của BLTTDS; Bị đơn có nơi cư trú tại địa bàn xã Trung T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã Trung H, tỉnh Thanh Hóa) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND khu vực 11 - Thanh Hóa theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 của BLTTDS.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị L và anh Phạm Văn T tự nguyện kết hôn ngày 24/02/2004, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Trung Thượng, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa (nay là UBND xã Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa). Vì vậy, hôn nhân giữa chị L và anh T là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại điều 9 Luật HNGĐ năm 2000. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống bình thường đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống. Thực tế, vợ chồng đã ly thân mỗi người sống một nơi. Nay xác định không thể sống chung được với nhau, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Phạm Văn T.

Qua chứng cứ do nguyên đơn cung cấp đó là đơn khởi kiện 05/3/2025, Bản tự khai ngày 24/3/2025; Biên bản xác minh lấy ý kiến của Trưởng khu Km X mà Tòa án thu thập. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định tình trạng mâu thuẫn hôn nhân của chị L, anh T thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, có kéo dài cũng không đem lại hạnh phúc.

Nay chị L có đơn ly hôn, HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật HNGĐ năm 2014 chấp nhận đơn ly hôn của chị L đối với anh T.

[4] Về con chung: Chị L và anh T có một con chung là Phạm Hà Hải Lâm, sinh năm 2005. Hiện con chung đã trưởng thành, phát triển bình thường về thể chất và trí tuệ. Chị L không yêu cầu giải quyết về con chung nên HĐXX không xem xét.

[5] Về tài sản, công nợ chung: Chị L không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Hà Thị L là nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm về ly hôn.

[7] Ý kiến của đại diện VKSND khu vực 11 - Thanh Hóa tại phiên tòa hôm nay về việc áp dụng pháp luật tố tụng của Thẩm phán, của HĐXX và các căn cứ

pháp luật áp dụng để giải quyết vụ án đúng với quy định của pháp luật. HĐXX chấp nhận toàn bộ đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật TTDS; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị L.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị L được ly hôn anh Phạm Văn T.

Về án phí: Chị Hà Thị L phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn*) án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quan Sơn (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 11 - Thanh Hóa), theo biên lai thu số 0002589, ký hiệu BLTU/23 ngày 12/3/2025. Chị L đã nộp đủ án phí.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND khu vực 11 - Thanh Hóa;
- UBND xã Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Xuân Tùng